CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP VITALY

Ngày 28/06/2024	3,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	2.7%	-5.0%

DT thuần
Q2/24
26.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.80| -6.2%
YoY: ▼19.4| -41.9%

LN thuần
Q2/24
-6.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.42| -59.9%
YoY: ▲ 2.52| 28.1%

LN sau thuế
Q2/24
-6.47
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.38| -58.3%
YoY: ▲ 2.55| 28.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
-21.7%
YoY: +/-▼ 9.8%

ROE (TTM)
Q2/24
-61.0%
YoY: +/-▼ 4.3%

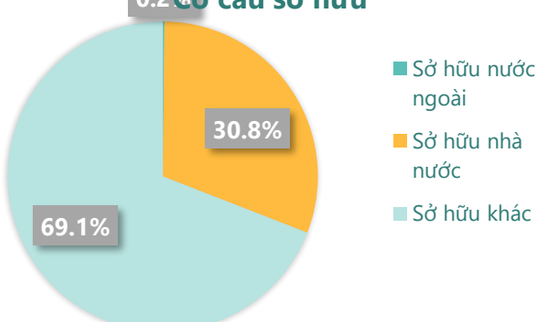
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,300 - 7,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	30
Số lượng CPLH (CP)	8,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,725
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.39
EPS	-3,238
P/E	-1.2

DT thuần
6T 2024
55.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼34.8| -38.5%

LN thuần
6T 2024
-10.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.60| 19.8%

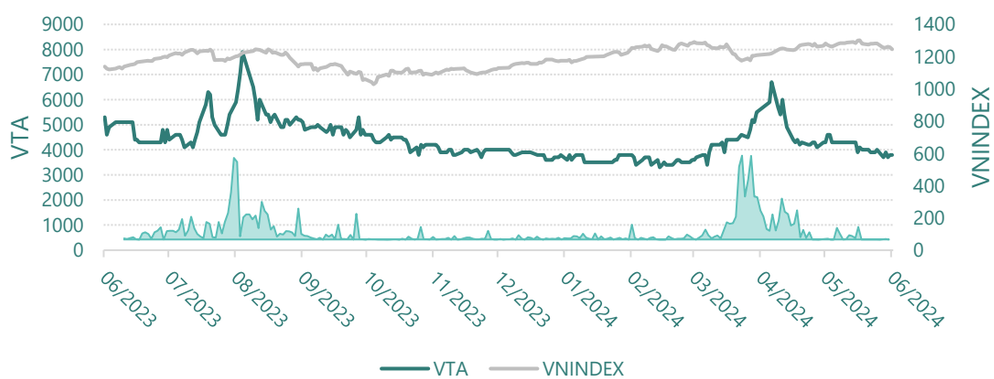
LN sau thuế
6T 2024
-10.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.60| 20.0%

Cơ cấu sở hữu

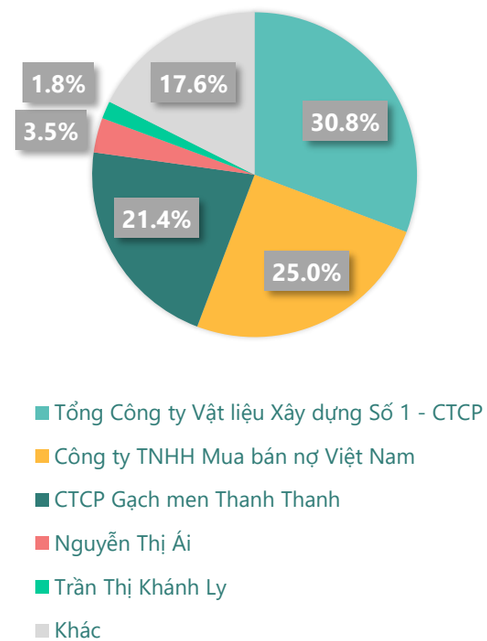


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



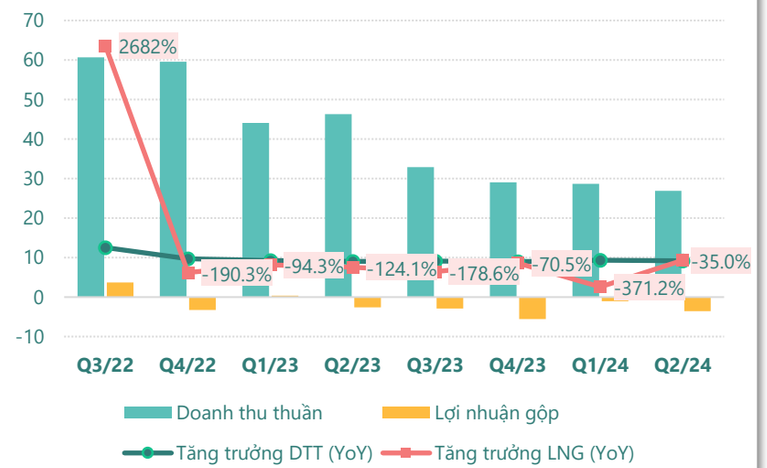
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

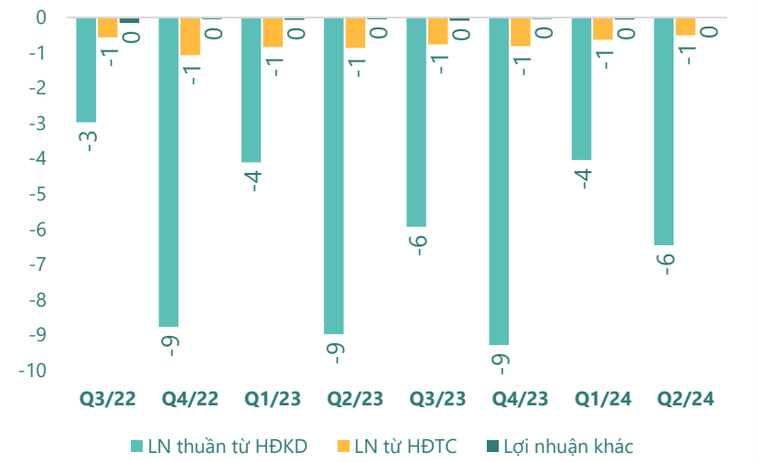
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



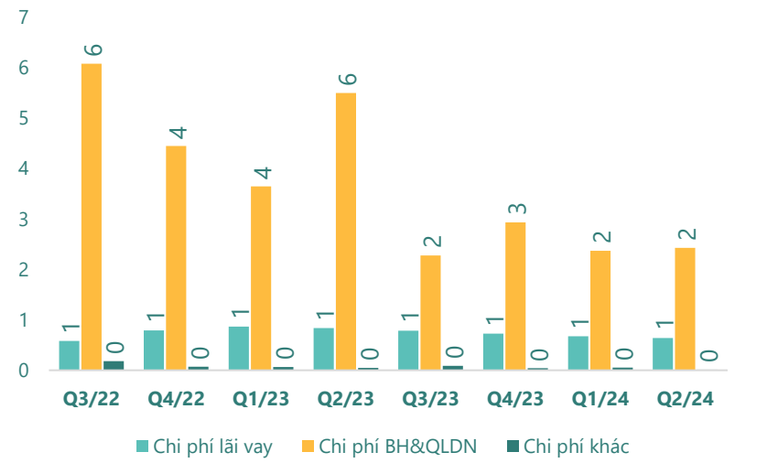
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



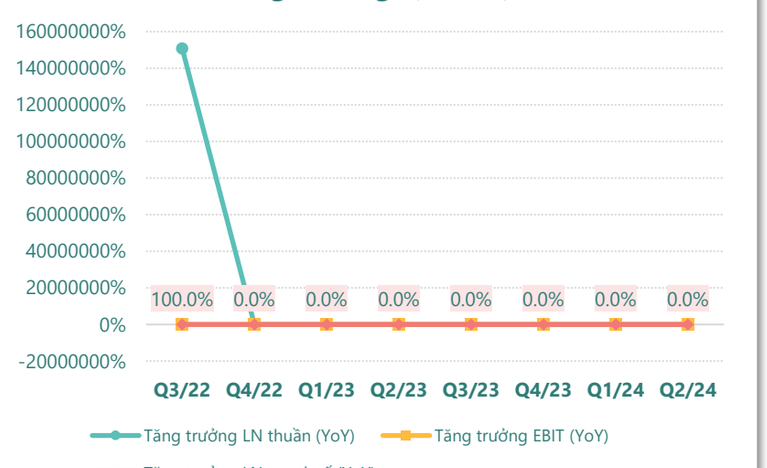
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



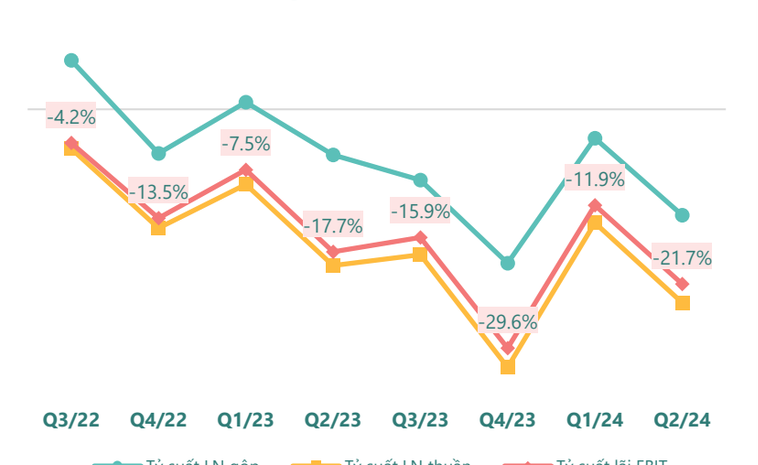
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



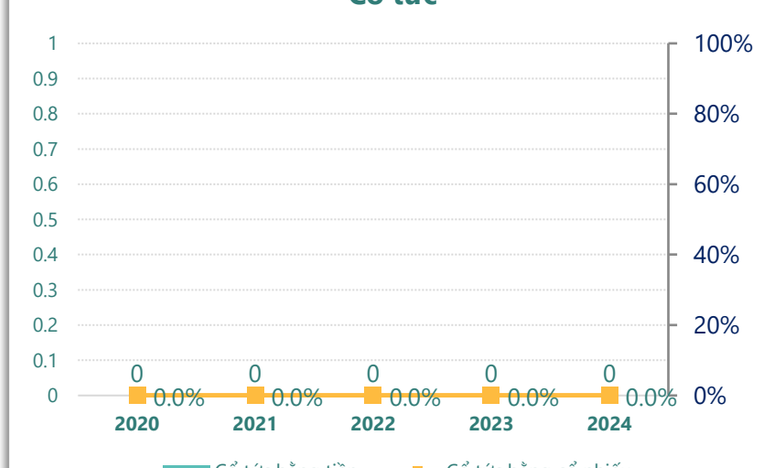
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

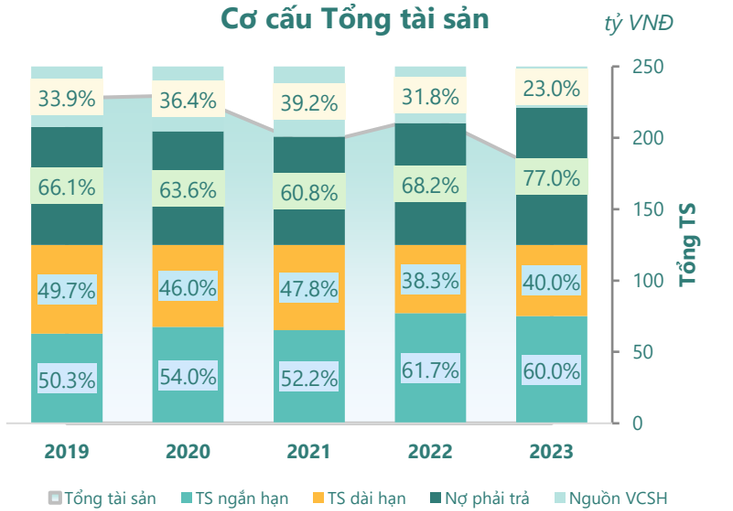
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

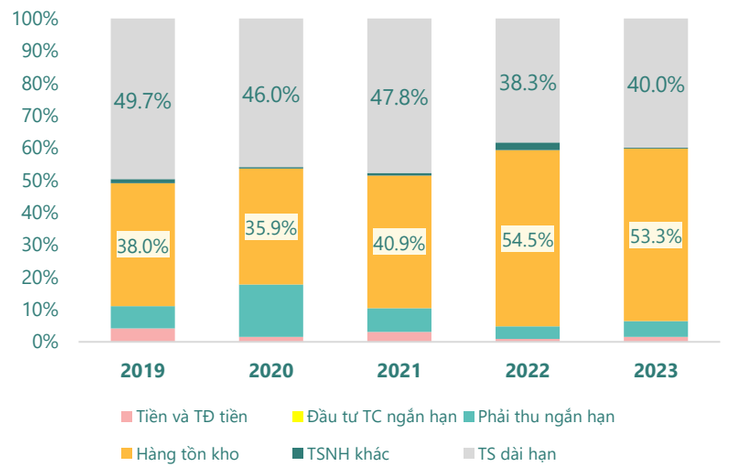
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



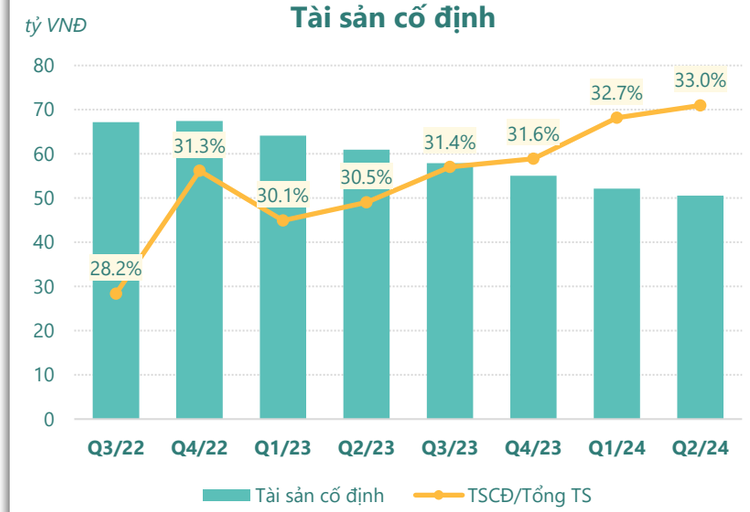
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



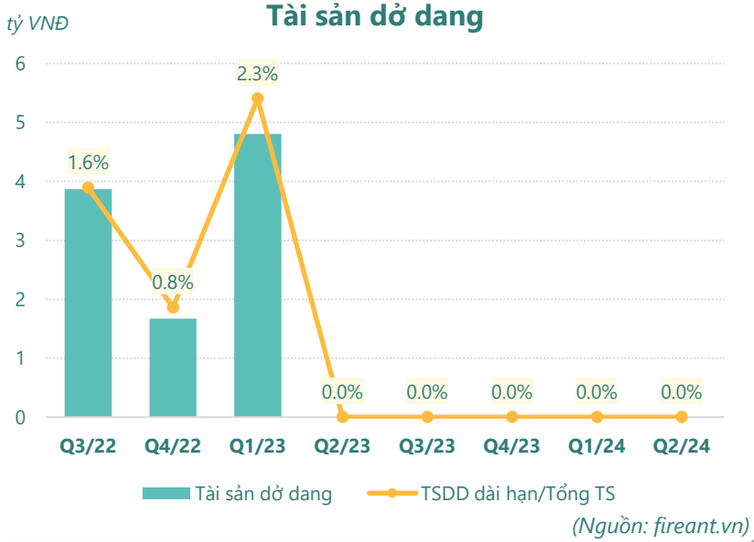
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



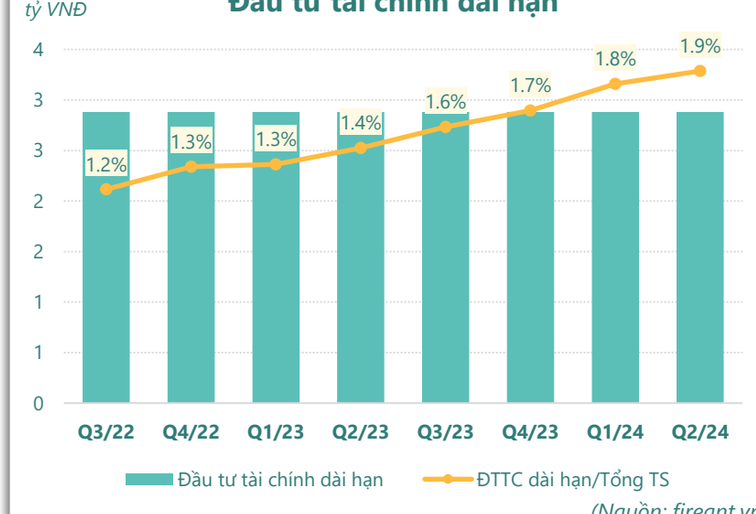
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



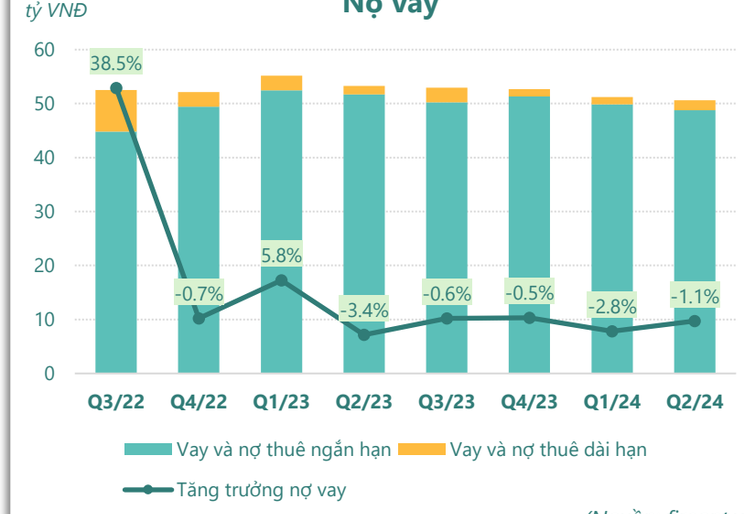
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

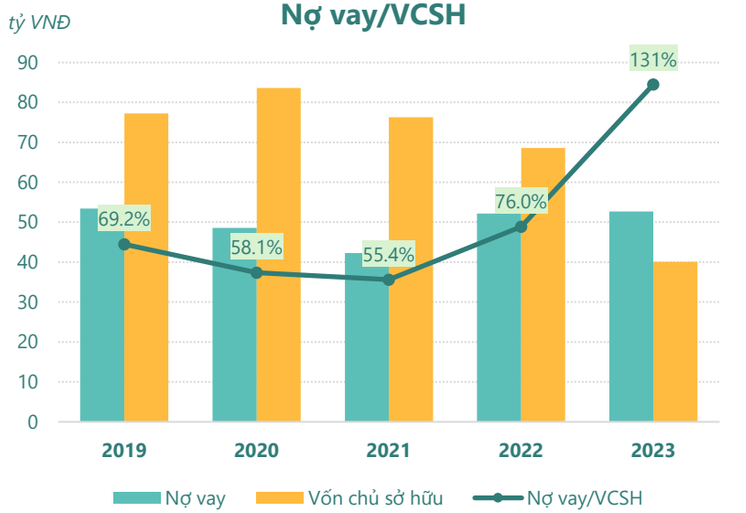
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

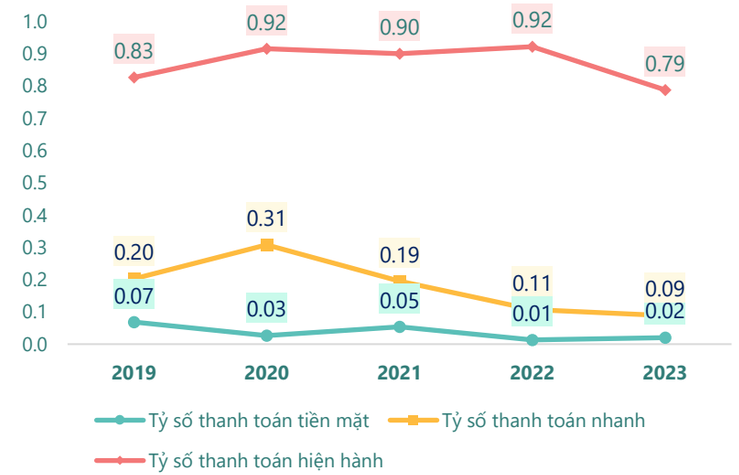
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



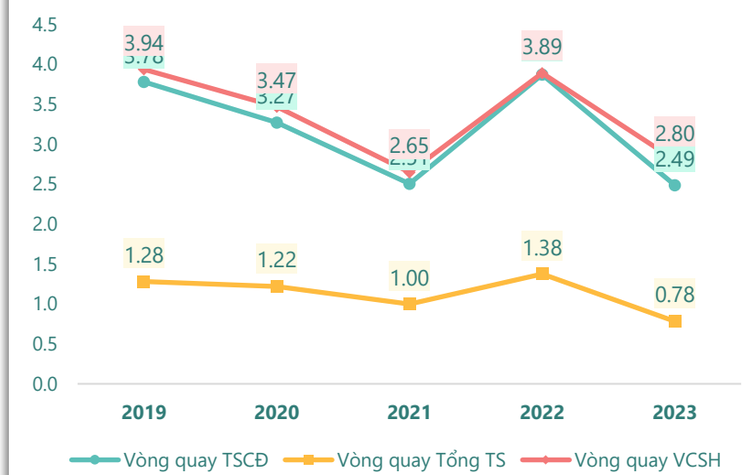
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



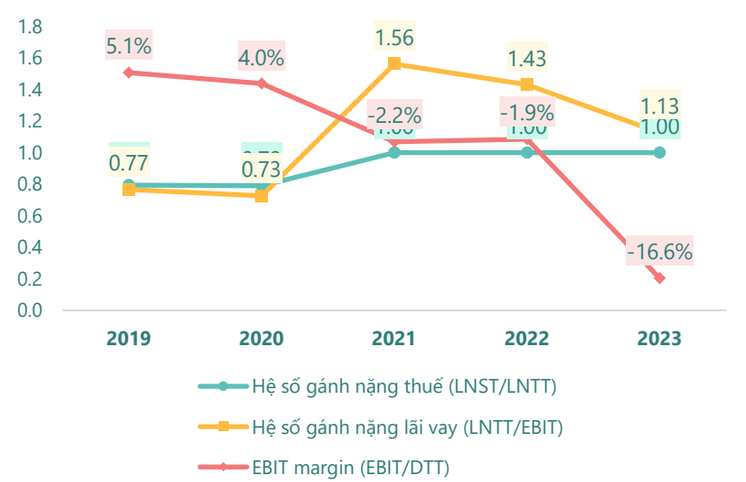
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



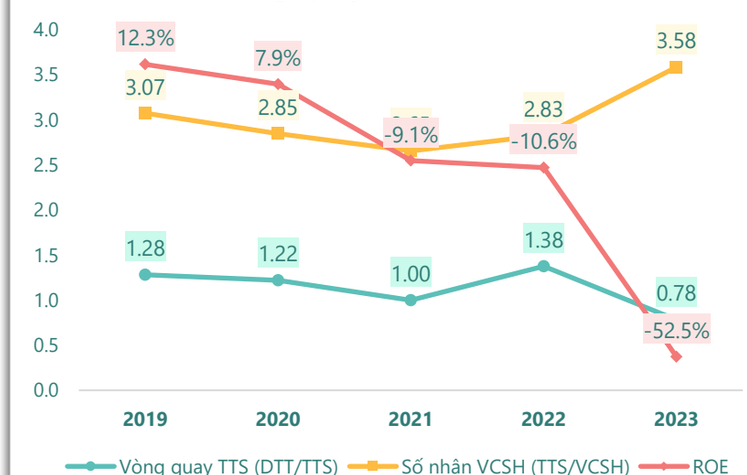
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



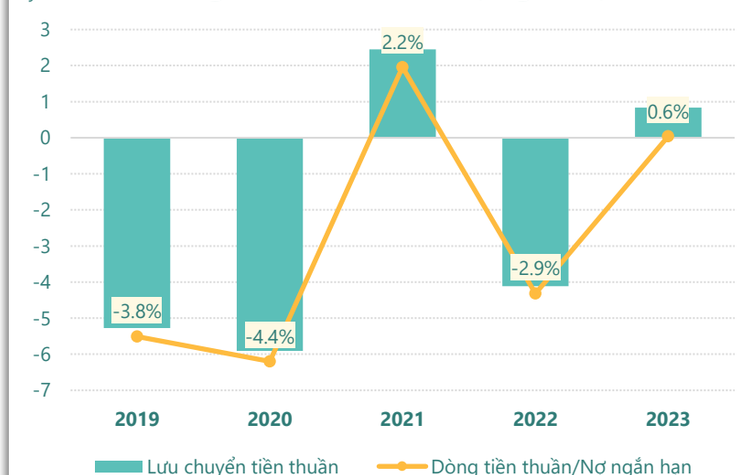
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**26.9**	**46.3**	**-41.9%**	**55.6**	**90.4**	**-38.5%**
Giá vốn hàng bán	30.4	48.9	-37.8%	60.2	92.6	-35.1%
Lợi nhuận gộp	-3.53	-2.61	-35.2%	-4.56	-2.23	-104%
Doanh thu HĐTC	0.14	0.01	1294%	0.19	0.04	403%
Chi phí TC	0.64	0.87	-26.2%	1.32	1.74	-24.1%
Chi phí lãi vay	0.64	0.84	-23.7%	1.32	1.70	-22.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.97	2.43	-60.1%	2.23	4.19	-46.7%
Chi phí QLDN	**1.46**	**3.07**	**-52.5%**	**2.57**	**4.96**	**-48.3%**
LN thuần từ HĐKD	-6.46	-8.98	28.1%	-10.5	-13.1	19.8%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**-0.05**	**69.7%**	**-0.07**	**-0.11**	**39.4%**
LN trước thuế	-6.47	-9.02	28.2%	-10.6	-13.2	20.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-6.47**	**-9.02**	**28.2%**	**-10.6**	**-13.2**	**20.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-6.47**	**-9.02**	**28.2%**	**-10.6**	**-13.2**	**20.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.82	0.44	0.57	3.50	-1.01	1.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-1.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.03	-1.90	-0.34	-1.67	-1.49	-0.56
Tiền đầu kỳ	1.90	2.11	0.66	0.88	2.72	0.22
Lưu chuyển tiền thuần	**0.22**	**-1.46**	**0.23**	**1.83**	**-2.50**	**0.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.11	0.66	0.88	2.72	0.22	0.48

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**153**	**174**	**-11.9%**
Tài sản ngắn hạn	88.6	104	-15.2%
Tiền và tương đương tiền	0.48	2.72	-82.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	14.4	8.52	68.5%
Hàng tồn kho	72.3	92.7	-22.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.43	0.49	194%
Tài sản dài hạn	**64.8**	**69.5**	**-6.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	50.6	55.0	-8.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.88	2.88	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**11.3**	**11.6**	**-2.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	124	134	-7.5%
Nợ ngắn hạn	**122**	**133**	**-8.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	48.8	51.3	-5.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	55.5	62.1	-10.6%
Nợ dài hạn	1.84	1.33	38.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.84	1.33	38.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**29.5**	**40.1**	**-26.4%**
Vốn chủ sở hữu	**29.5**	**40.1**	**-26.4%**
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)